

Bản án số: 606/2015/HSPT

Ngày: 26-10-2015

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Ánh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thanh Huyền

Bà Nguyễn Bích Ngân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Lưu A Hoan, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 518/2015/HSPT ngày 01/10/2015 đối với bị cáo Đặng Minh T do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với bản án hình sự sơ thẩm số 148/2015/HSST ngày 18/8/2015 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị kháng cáo:

ĐẶNG MINH T, sinh năm 1976; ĐKKHKT: số nhà 210 B4 - B, khu tập thể M, phường M, quận HM, thành phố Hà Nội; nơi ở: số 1, hẻm 602, phường Đ, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; con ông Đặng Thịnh U và bà Nghiêm Thị G; có vợ là Vĩnh Thị Phương Tr và 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 30/3/2015, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Danh bản số 000000259 lập ngày 10/4/2015 tại Công an quận H, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:

- Anh Trần Văn A, sinh năm 1978; trú quán: số 121 L, phường L1, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

- Anh Phạm Xuân C, sinh năm 1976; trú quán: P408 nhà NC1, chung cư K, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Minh T có quan hệ bạn bè với anh Phạm Xuân C, sinh năm 1976, trú tại phòng 408 - NC1, chung cư K, phường K, quận H, thành phố Hà Nội. T biết anh C là giám đốc Công ty S, được công ty giao quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic biển kiểm soát 31F-1109, số khung 000242, số máy 163002427; T đã nhiều lần mượn anh C chiếc xe trên để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Khoảng 16 giờ ngày 22/12/2013, Đặng Minh T đã liên lạc qua điện thoại để hỏi mượn của anh C chiếc xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 31F - 1109 để sử dụng đi việc riêng ở tỉnh Lào Cai. Anh C đồng ý cho T mượn xe, trên xe ô tô có giấy chứng nhận đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm xe bản chính, đăng ký xe bản photo có xác nhận của ngân hàng VPBank. Sau khi mượn được xe, T đi lên tỉnh Lào Cai để giải quyết công việc cá nhân đến ngày 24/12/2013 quay về quận H để trả anh C xe. Khi T đi đến đường Lê Trọng Tấn gần lối rẽ vào nhà anh C thì T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô Honda Civic của anh C mang đi cầm cố lấy tiền. T đã cầm cố cho anh Trần Văn A (sinh năm 1978 trú tại tổ 15, phường L1, quận B) chiếc xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 31F - 1109 vay 300.000.000 đồng, hạn 10 ngày sau sẽ trả tiền và lấy xe về. Số tiền cầm cố xe, T sử dụng cá nhân hết và không có khả năng chuộc xe ô tô về trả cho anh C.

Đã hết thời gian mượn xe nhưng không thấy T mang xe ô tô về trả nên anh C có gọi điện thoại cho T để đòi xe. Lúc này, T đã mang xe cầm cố nên nói với anh C là đang đi có việc ở tỉnh Yên Bái, hạn sẽ mang xe về trả sau. Đến ngày 27/12/2014, anh C có đơn trình báo gửi Công an thành phố Hà Nội đề nghị xử lý đối với T theo pháp luật.

Sau khi hết thời hạn 10 ngày nhưng không có tiền trả anh A để lấy xe ô tô về nên T đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Đến ngày 31/3/2015, T bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H.

Ngày 14/5/2014, anh Trần Văn A tự nguyện giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội 01 xe ô tô hiệu Honda Civic biển kiểm soát 31F-1109; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe số 0746484; 01 giấy vay tiền ghi ngày 24/12/2013 và 01 đăng ký xe ô tô (bản sao) có xác nhận của Ngân hàng cổ phần thương mại Việt Nam.

Ngày 07/7/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã trả lại Công ty S do anh Phạm Xuân C đại diện nhận chiếc xe và các giấy tờ liên quan.

Ngày 23/7/2015 và ngày 17/8/2015, ông Đặng Thịnh U là bố đẻ bị cáo Đặng Minh T đã thay mặt bị cáo nộp số tiền 25.000.000 đồng để bồi thường.

Tại bản kết luận giám định số 7870/KLGD - PC54 ngày 21/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Minh T trên giấy vay tiền ngày 24/12/2013 (ký hiệu A) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Minh T trên bản photocopy tờ khai chứng minh nhân dân, số 012500717, ngày 31/8/2011 (ký hiệu M) là chữ ký của cùng một người.

Tại biên bản và kết luận định giá số 219/DGTS ngày 26/5/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội kết luận: xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 31F-1109 trị giá 451.750.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 148/2015/HSST ngày 18/8/2015 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Minh T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2015.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 608 của Bộ luật dân sự: buộc Đặng Minh T phải bồi thường trả anh Trần Văn A số tiền 300.000.000 đồng. Buộc Đặng Minh T phải bồi thường trả anh Phạm Xuân C số tiền 98.500.000 đồng. Được trừ số tiền 25.000.000 đồng đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các anh Phạm Xuân C và Trần Văn A kháng cáo. Anh C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không chính xác, hành vi của bị cáo trực tiếp gây thiệt hại về thể chất, tinh thần và tài sản của anh nên anh phải là người bị hại trong vụ án; mức hình phạt đối với bị cáo Đặng Minh T là nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo, không có tính chất rắn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm; phần tuyên về trách nhiệm bồi thường đối trừ 25.000.000 đồng không rõ ràng, không thể thi hành án được, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Anh Trần Văn A kháng cáo phần tuyên về trách nhiệm bồi thường đối trừ 25.000.000 đồng không rõ ràng, đề nghị sửa lại để bảo đảm quyền lợi cho anh.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong hạn luật

định, hợp lệ về hình thức. Xét nội dung kháng cáo thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tố tụng của anh Phạm Xuân C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không đúng vì anh C là người được Công ty S giao xe, anh C chịu trách nhiệm với công ty về chiếc xe nên anh C phải là người bị hại trong vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định anh C là người bị hại làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh C. Đối với phần trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối trừ số tiền gia đình bị cáo đã nộp để bồi thường nhưng không tuyên bồi thường cho ai bao nhiêu nên không thể thi hành án được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Xuân C, hủy bản án sơ thẩm để xác định lại tư cách tham gia tố tụng của anh C và cách tuyên đối với số tiền 25.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: anh Phạm Xuân C được Công ty S giao chiếc xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 31F - 1109 trị giá 451.750.000 đồng để sử dụng. Khoảng 16 giờ ngày 22/12/2013, Đặng Minh T hỏi mượn anh Phạm Xuân C chiếc xe nói trên để đi công việc. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe lên tỉnh Lào Cai giải quyết công việc cá nhân đến ngày 24/12/2013 quay về quận H mục đích trả anh C xe, nhưng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô để mang đi cầm cố vay tiền. T đã cầm cố chiếc xe vay anh Trần Văn A 300.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả tiền và lấy xe về. Số tiền cầm cố xe, T sử dụng cá nhân hết và không có khả năng chuộc xe ô tô về trả cho anh C.

Đã hết thời gian mượn xe nhưng không thấy T mang xe ô tô về trả nên anh C gọi điện thoại cho T đòi xe. Lúc này, T đã mang xe cầm cố nên nói với anh C là đang đi có việc ở tỉnh Yên Bái, hẹn sẽ mang xe về trả sau. Đến ngày 27/12/2014, anh C đại diện Công ty S có đơn trình báo gửi Công an thành phố Hà Nội đề nghị xử lý đối với T theo pháp luật.

Sau khi hết thời hạn 10 ngày nhưng không có tiền trả anh A để lấy xe ô tô về nên T đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Đến ngày 31/3/2015, T bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H.

Ngày 14/5/2014, anh Trần Văn A tự nguyện giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội 01 xe ô tô hiệu Honda Civic biển kiểm soát 31F-1109 và giấy tờ. Ngày 07/7/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành

phố Hà Nội đã trả lại Công ty S do anh Phạm Xuân C đại diện nhận chiếc xe và các giấy tờ liên quan.

Ngày 23/7/2015 và ngày 17/8/2015, ông Đặng Thịnh U là bố đẻ bị cáo Đặng Minh T thay mặt bị cáo nộp số tiền 25.000.000 đồng để bồi thường.

Hành vi của bị cáo Đặng Minh T cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 451.750.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của anh Phạm Xuân C và anh Trần Văn A thấy rằng bị cáo lợi dụng mối quan hệ bạn bè và lòng tin của anh C để mượn xe, sau khi sử dụng xe làm phương tiện đi lại, bị cáo đã mang xe đi cầm cố để vay tiền, khách thể của tội phạm là quyền sở hữu về tài sản. Chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic biển kiểm soát 31F-1109 thuộc quyền sở hữu của Công ty S nên Công ty S bị xâm phạm quyền sở hữu, vì thế bị thiệt hại về tài sản. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh Phạm Xuân C tố cáo hành vi phạm tội của bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại với tư cách là đại diện Công ty S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty S là nguyên đơn dân sự là chính xác. Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe ô tô do anh Phạm Xuân C đang được giao quản lý làm cho anh C và Công ty không có phương tiện đi lại. Thực hiện trách nhiệm của mình với Công ty do liên quan đến việc chiếc xe do mình đang được giao quản lý bị chiếm đoạt, anh C phải ký hợp đồng thuê xe ô tô, tổng số tiền thuê xe là 98.500.000 đồng, đây chính là thiệt hại về tài sản của anh C. Anh C khai hành vi của bị cáo làm cho anh C bị tổn hại tinh thần, nhưng trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm không đưa ra mức yêu cầu cụ thể nên các cơ quan tiến hành tố tụng không có cơ sở để xem xét. Do anh C phải có trách nhiệm với Công ty về chiếc xe ô tô, mặt khác anh C cũng có bị thiệt hại như nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa anh C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Tố tụng hình sự, anh C không có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo Đặng Minh T nên Hội đồng xét xử không xét nội dung kháng cáo của anh C cho rằng mức hình phạt đối với T là nhẹ.

Đối với kháng cáo nội dung tuyên án phần trách nhiệm dân sự về số tiền 25.000.000 đồng bố bị cáo nộp thay cho bị cáo: bị cáo khai đã nhờ bố nộp tiền để bồi thường cho anh C và anh A, do đó cần sửa bản án sơ thẩm, tiếp tục tạm giữ số tiền này để bảo đảm trách nhiệm thi hành án của bị cáo đối với số tiền bồi thường cho anh C và anh A.

Anh Trần Văn A được chấp nhận kháng cáo; anh Phạm Xuân C được chấp nhận một phần kháng cáo nên anh C và anh A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do đó được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

1. Sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2015.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 608 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc Đặng Minh T phải bồi thường anh Phạm Xuân C số tiền 98.500.000 (chín mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Buộc Đặng Minh T phải trả anh Trần Văn A số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Ghi nhận Đặng Minh T đã nộp số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng (do ông Đặng Thịnh T nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H để bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, theo các Biên lai thu tiền số 0001235 ngày 23/7/2015 và 0001276 ngày 17/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng để bảo đảm trách nhiệm thi hành án của Đặng Minh T đối với số tiền bồi thường anh Phạm Xuân C và anh Trần Văn A.

2. Về án phí: áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, anh Phạm Xuân C và anh Trần Văn A không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Trả lại anh Phạm Xuân C số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004353 ngày 01/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Trả lại anh Trần Văn A số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004355 ngày 01/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/10/2015.

Nơi nhận:

- Công an quận H;
- VKSND quận H;
- TAND quận H;
- Thi hành án dân sự quận H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Ánh